

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÙ MỸ
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2018/DS-ST
Ngày: 12-01-2018
V/v tranh chấp đòi lại tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ MỸ, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Văn Công Minh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Tiến Dũng.

Bà Nguyễn Thị Phương Toàn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Dư là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Ông Lê Thanh Bình-Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 136/2017/TLST-DS ngày 11 tháng 10 năm 2017, về tranh chấp đòi lại tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 174/2017/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 11 năm 2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Tuấn H, sinh năm 1992; nơi cư trú thôn V, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định; có mặt.

- Bị đơn:

1. Anh Mai Văn Q, sinh năm 1971; nơi cư trú thôn V, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định; vắng mặt.

2. Chị Đặng Thị Thanh V, sinh năm 1975; nơi cư trú thôn V, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định; vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Nguyễn Thị Diệu H1, sinh năm 1976.

2. Anh Nguyễn Tấn H2, sinh năm 1984.

3. Anh Nguyễn Tấn H3, sinh năm 1986.

4. Anh Nguyễn Tấn H4, sinh năm 1989.

Đồng trú tại: Thôn V, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định.

5. Chị Nguyễn Đặng Thúy A, sinh năm 1976.

6. Anh Nguyễn D, sinh năm 1977.

Đồng trú tại: Thôn T, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Diệu H1, anh Nguyễn Tấn H2, anh Nguyễn Tấn H3, anh Nguyễn Tấn H4, chị Nguyễn Đặng Thúy A, anh Nguyễn D: Anh Nguyễn Tuấn H, sinh năm 1992; nơi cư trú thôn V, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định đại diện theo ủy quyền (Theo Giấy ủy quyền ngày 17 tháng 8 năm 2017); có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 01 tháng 8 năm 2017, tại lời khai và tại phiên tòa anh Nguyễn Tuấn H là nguyên đơn đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Diệu H1, anh Nguyễn Tấn H2i, anh Nguyễn Tấn H3, anh Nguyễn Tấn H4, chị Nguyễn Đặng Thúy A, anh Nguyễn D trình bày: Cha, mẹ ruột của anh là ông Nguyễn Văn T và bà Huỳnh Thị T1. Cha, mẹ của anh sinh được bốn người con gồm anh Nguyễn Tấn H2, anh Nguyễn Tấn H3, anh Nguyễn Tấn H3 và anh. Ngoài ra trước khi kết hôn với mẹ của anh thì cha của anh kết hôn với bà Đặng Thị Ngọc B sinh được hai người con là chị Nguyễn Đặng Thúy A, anh Nguyễn D. Trước khi kết hôn với cha của anh thì mẹ của anh kết hôn với ông Nguyễn Công C sinh được một người con là chị Nguyễn Thị Diệu H1. Ngoài ra cha, mẹ của anh không còn con riêng hay con nuôi nào khác. Ngày 29 tháng 3 năm 2017 cha của anh chết, ngày 05 tháng 5 năm 2017 mẹ của anh chết. Trước khi chết cha, mẹ của anh không để lại di chúc. Ông Nguyễn Công C và bà Đặng Thị Ngọc B đều chết trước thời điểm cha mẹ của anh kết hôn với nhau. Ông nội của anh là ông Nguyễn Â, bà nội của anh là bà Lâm Thị Đ, ông ngoại của anh là ông Huỳnh Đ1, bà ngoại của anh là bà Mai Thị C1. Ông, bà nội và ông, bà ngoại của anh đều chết trước thời điểm cha, mẹ của anh chết. Vào ngày 18 tháng 12 năm 2015, vợ chồng anh Mai Văn Q, chị Đặng Thị Thanh V có vay mẹ của anh số tiền 120.000.000 đồng; ngày 11 tháng 5 âm lịch năm 2016, vợ chồng anh Mai Văn Q, chị Đặng Thị Thanh V vay mẹ của anh số tiền 140.000.000 đồng và ngày 19 tháng 01 năm 2017 vợ chồng anh Q, chị V vay mẹ của anh số tiền 50.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền vợ chồng anh Q, chị V đã vay mẹ của anh là 310.000.000 đồng. Số tiền 310.000.000 đồng trên là tài sản chung của cha, mẹ anh chết để lại. Nay anh yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng anh Mai Văn Q, chị

Đặng Thị Thanh V có nghĩa vụ trả cho anh và các anh, chị của anh là chị Nguyễn Thị Diệu H1, anh Nguyễn Tấn H2, anh Nguyễn Tấn H3, anh Nguyễn Tấn H4, chị Nguyễn Đặng Thúy A, anh Nguyễn D số tiền vay gốc 310.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày anh nộp đơn khởi kiện với lãi suất theo quy định của pháp luật. Ngoài ra anh không yêu cầu và trình bày gì thêm.

Tại phiên tòa bị đơn anh Mai Văn Q vắng mặt nhưng tại lời khai ngày 23 tháng 10 năm 2017, anh Mai Văn Q trình bày: Vào ngày 19 tháng 01 năm 2017 anh có đến nhà bà Huỳnh Thị T1 vay của bà T1 số tiền 40.000.000 đồng, bà T1 tính tiền lãi với số tiền 10.000.000 đồng nên bà T1 yêu cầu anh ký vào giấy mượn tiền ngày 19 tháng 01 năm 2017 với số tiền vay gốc là 50.000.000 đồng. Bà T1 có nói với anh là trước đây vợ của anh là chị Đặng Thị Thanh V có vay của bà T1 một khoản tiền nên yêu cầu anh ký vào một tờ giấy, anh không đọc nội dung viết gì nhưng anh vẫn ký vào giấy này, nay anh nhận được giấy mượn tiền đề ngày 18 tháng 12 năm 2015, thể hiện anh vay của bà T1 số tiền 120.000.000 đồng. Anh thừa nhận chính anh là người ký vào giấy mượn tiền này. Vì anh không có tài liệu, chứng cứ gì để cung cấp cho Tòa án nên anh thừa nhận còn nợ của bà T1 số tiền gốc 170.000.000 đồng. Vợ chồng bà T1, ông T chết nên vợ chồng anh đồng ý trả cho các con bà T1, ông T số tiền 170.000.000 đồng nhưng vợ chồng anh xin trả dần mỗi tháng 500.000 đồng. Anh công nhận vào ngày 11 tháng 5 âm lịch năm 2016 vợ chồng anh có vay của bà T1 số tiền gốc 140.000.000 đồng để về trả nợ cho Ngân hàng nhưng sau đó vợ chồng anh đã trả tiền gốc và tiền lãi cho bà T1 với số tiền 200.000.000 đồng nên vợ chồng anh không còn nợ số tiền đã vay ngày 11 tháng 5 âm lịch năm 2016. Ngoài ra anh không trình bày và yêu cầu gì thêm.

Tại phiên tòa bị đơn chị Đặng Thị Thanh V1 vắng mặt nhưng tại lời khai ngày 23 tháng 10 năm 2017, chị Đặng Thị Thanh V1 trình bày: Chị thống nhất như lời trình bày và yêu cầu của chồng chị là anh Mai Văn Q1. Chị thừa nhận hiện nay vợ chồng chị còn nợ của bà T1 số tiền 170.000.000 đồng. Đối với số tiền gốc 140.000.000 đồng mà vợ chồng chị vay của bà T1 ngày 11 tháng 5 âm lịch năm 2016 thì vợ chồng chị đã trả cho bà T1 cả tiền gốc và lãi với số tiền là 200.000.000 đồng. Nay vợ chồng chị đồng ý trả số tiền 170.000.000 đồng cho các con của bà T1, ông T nhưng vợ chồng chị xin trả dần mỗi tháng 500.000 đồng. Chị trả cho bà T1 số tiền 200.000.000 đồng gốc và lãi của khoản vay ngày 11 tháng 5 âm lịch năm 2016 là có sự chứng kiến của chị Phạm Thị Hồng N, chị Huỳnh Thị V1 và bà T1 có điện thoại cho chị L là nhân viên thủ quỹ của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện P -Phòng giao dịch B nếu thấy chị đến vay tiền của Ngân hàng thì yêu cầu chị L báo cho bà T1 biết. Ngoài ra chị không trình bày và yêu cầu gì thêm.

Chứng cứ mà nguyên đơn anh Nguyễn Tuấn H cung cấp cho Tòa án gồm 01 (Một) tờ giấy vở học sinh một tờ, một trang ngày 18 tháng 12 năm 2015, có chữ ký và chữ viết “Mai Văn Q”; 01 (Một) tờ giấy một tờ, một trang ghi “Giấy mượn

tiền” ngày 11 tháng 5 âm năm 2016, có chữ ký dưới dạng chữ viết “V” và chữ viết “Đặng Thị Thanh V”; 01 (Một) tờ giấy vở học sinh một tờ, một trang ghi “Giấy mượn tiền” ngày 19 tháng 1 năm 2017, có chữ ký và chữ viết “Mai Văn Q”; trích lục khai tử của ông Nguyễn Văn T; trích lục khai tử của bà Huỳnh Thị T1; sổ hộ khẩu gia đình.

Bị đơn anh Mai Văn Q, chị Đặng Thị Thanh V không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì.

Nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất hiện nay bị đơn còn nợ số tiền gốc 170.000.000 đồng; bị đơn xin trả dần số tiền trên mỗi tháng 500.000 đồng. Bị đơn thừa nhận có vay và còn nợ số tiền gốc 140.000.000 đồng nhưng đã thanh toán xong tiền gốc và lãi với số tiền 200.000.000 đồng, nhưng nguyên đơn không đồng ý.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Đối với Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự; đối với những người tham gia tố tụng thì bị đơn anh Mai Văn Q, chị Đặng Thị Thanh V vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai; các đương sự khác đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn anh Nguyễn Tuấn H, buộc bị đơn vợ chồng anh Mai Văn Q, chị Đặng Thị Thanh V có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị Diệu H1, anh Nguyễn Tấn H2, anh Nguyễn Tấn H3 anh Nguyễn Tấn H4, anh Nguyễn Tuấn H, chị Nguyễn Đặng Thúy A, anh Nguyễn D số tiền gốc 310.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn anh Nguyễn Tuấn H khởi kiện yêu cầu bị đơn vợ chồng anh Mai Văn Q, chị Đặng Thị Thanh V có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị Diệu H1, anh Nguyễn Tấn H2, anh Nguyễn Tấn H3 anh Nguyễn Tấn H4, anh Nguyễn Tuấn H, chị Nguyễn Đặng Thúy A, anh Nguyễn D là những người ở hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Văn T, bà Huỳnh Thị T1 số tiền gốc 310.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật. Vì sau khi vợ chồng anh Mai Văn Q, chị Đặng Thị Thanh V vay số tiền trên của ông Nguyễn Văn T, bà Huỳnh Thị T1 thì ông Nguyễn Văn T, bà Huỳnh Thị T1 chết nhưng vợ chồng anh Mai Văn Q, chị Đặng Thị Thanh V không trả số tiền trên. Các bị đơn hiện cư trú tại thôn V, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định. Theo quy định tại khoản 2 khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Định.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Mai Văn Q, chị Đặng Thị Thanh V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt mà không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[3] Bị đơn anh Mai Văn Q, chị Đặng Thị Thanh V thừa nhận còn nợ của bà Huỳnh Thị T1 số tiền 170.000.000 đồng. Vợ chồng bà T1, ông T chết nên vợ chồng anh Q, chị V đồng ý trả cho những người ở hàng thừa kế thứ nhất của bà T1, ông T là chị Nguyễn Thị Diệu H1, anh Nguyễn Tấn H2, anh Nguyễn Tấn H3, anh Nguyễn Tấn H4, anh Nguyễn Tuấn H, chị Nguyễn Đặng Thúy A, anh Nguyễn D số tiền 170.000.000 đồng nhưng vợ chồng anh Mai Văn Q, chị Đặng Thị Thanh V xin trả dần mỗi tháng 500.000 đồng. Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 quy định *“Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”*. Do đó có căn cứ để xác định vợ chồng anh Mai Văn Q, chị Đặng Thị Thanh V có vay và còn nợ của vợ chồng ông T, bà T1 số tiền 170.000.000 đồng. Vợ chồng anh Mai Văn Q, chị Đặng Thị Thanh V yêu cầu trả dần số tiền còn nợ trên mỗi tháng 500.000 đồng nhưng nguyên đơn không đồng ý và yêu cầu này của bị đơn không phù hợp với quy định của pháp luật nên không được chấp nhận. Vì vậy theo quy định tại các điều 471, 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 1 Điều 166, khoản 5 Điều 221, Điều 463, Điều 466, khoản 1 Điều 651 của Bộ luật Dân sự năm 2015, buộc vợ chồng anh Mai Văn Q, chị Đặng Thị Thanh V có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị Diệu H1, anh Nguyễn Tấn H3, anh Nguyễn Tấn H3, anh Nguyễn Tấn H4, anh Nguyễn Tuấn H, chị Nguyễn Đặng Thúy A, anh Nguyễn D số tiền 170.000.000 đồng.

[4] Anh Mai Văn Q, chị Đặng Thị Thanh V thừa nhận vào ngày 11 tháng 5 âm lịch năm 2016 vợ chồng anh Mai Văn Q, chị Đặng Thị Thanh V vay của bà Huỳnh Thị T1 số tiền gốc 140.000.000 đồng nhưng sau đó vợ chồng anh Mai Văn Q, chị Đặng Thị Thanh V đã trả tiền gốc và tiền lãi cho bà T1 với số tiền 200.000.000 đồng nên vợ chồng anh Mai Văn Q, chị Đặng Thị Thanh V không còn nợ số tiền đã vay ngày 11 tháng 5 âm lịch năm 2016. Anh Nguyễn Tuấn H không thừa nhận việc vợ chồng anh Mai Văn Q, chị Đặng Thị Thanh V đã trả cho bà T1 số tiền gốc 200.000.000 đồng và tiền lãi vay ngày 11 tháng 5 âm lịch năm 2016. Hội đồng xét xử xét thấy, theo lời khai của chị Phạm Thị Hồng N thì khi bà T1 còn sống, chị N có nghe bà T1 nói với chị Ngự việc bà T1 có nhận của chị Đặng Thị Thanh V số tiền 200.000.000 đồng, nhưng chị N không chứng kiến việc giao nhận số tiền trên như thế nào. Theo lời khai của chị Huỳnh Thị V1 thì chị Huỳnh Thị V1 không có chứng kiến việc chị Đặng Thị Thanh V trả cho bà T1 số tiền 200.000.000 đồng và chị Huỳnh Thị V1 cũng không biết gì đối với việc chị Đặng Thị Thanh V trả cho bà T1 số tiền trên. Theo lời khai của chị Đặng Thị L là nhân viên thủ quỹ

của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện P -Phòng giao dịch B thì chị L không chứng kiến việc chị Đặng Thị Thanh V trả cho bà Huỳnh Thị T1 số tiền 200.000.000 đồng, chị L cũng không thừa nhận việc bà T1 điện thoại yêu cầu chị L báo cho bà T1 biết việc chị Đặng Thị Thanh V đến vay tiền của Ngân hàng. Ngoài ra, anh Mai Văn Q, chị Đặng Thị Thanh V cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh đã trả cho bà T1 số tiền 200.000.000 đồng. Do đó có căn cứ xác định vợ chồng anh Q, chị V có vay và còn nợ của vợ chồng ông T, bà T1 số tiền 140.000.000 đồng. Vì vậy theo quy định tại các điều 471, 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 1 Điều 166, khoản 5 Điều 221, khoản 1 Điều 651 của Bộ luật Dân sự năm 2015, buộc vợ chồng anh Mai Văn Q, chị Đặng Thị Thanh V có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị Diệu H1, anh Nguyễn Tấn H2, anh Nguyễn Tấn H3, anh Nguyễn Tấn H4, anh Nguyễn Tuấn H, chị Nguyễn Đặng Thúy A, anh Nguyễn D số tiền 140.000.000 đồng.

[5] Anh Mai Văn Q, chị Đặng Thị Thanh V thừa nhận hợp đồng vay tài sản mà các bên đã ký kết là hợp đồng vay không kỳ hạn và có lãi. Do đó căn cứ vào Điều 477 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 468, Điều 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015 chấp nhận yêu cầu của anh H về việc yêu cầu trả tiền lãi đối với khoản tiền gốc 310.000.000 đồng với mức lãi suất được tính là 10%/năm, kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2017 đến ngày xét xử ngày 12 tháng 01 năm 2018, với số tiền $(310.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 5 \text{ tháng}) + (310.000.000 \text{ đồng} \times 0,027\%/\text{ngày} \times 11 \text{ ngày}) = 13.785.700 \text{ đồng}$.

[6] Từ các chứng cứ mà các đương sự cung cấp và những chứng cứ Tòa án đã thu thập được, căn cứ vào các điều 471, 474, 477 của Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 1 Điều 166, khoản 5 Điều 221, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 469 khoản 1 Điều 651 của Bộ luật Dân sự năm 2015, buộc vợ chồng anh Mai Văn Q, chị Đặng Thị Thanh V có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị Diệu H1, anh Nguyễn Tấn H2, anh Nguyễn Tấn H3g, anh Nguyễn Tấn H4, anh Nguyễn Tuấn H, chị Nguyễn Đặng Thúy A, anh Nguyễn D số tiền 323.785.700 đồng, trong đó 310.000.000 đồng tiền vay gốc và 13.785.700 đồng tiền lãi.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn nên buộc bị đơn vợ chồng anh Mai Văn Q, chị Đặng Thị Thanh V phải chịu số tiền $323.785.700 \text{ đồng} \times 5\% = 16.189.000 \text{ đồng}$ án phí dân sự sơ thẩm để sung vào ngân sách nhà nước theo quy định khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chi cục thi hành án dân sự huyện P hoàn trả lại cho anh Nguyễn Tuấn H số tiền 7.750.000 đồng tạm ứng án phí mà anh H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 03221 ngày 11 tháng 10 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P.

[8] Ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án về việc đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn anh Nguyễn Tuấn H , buộc bị đơn vợ chồng anh Mai Văn Q, chị Đặng Thị Thanh V có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị Diệu H1, anh Nguyễn Tấn H2, anh Nguyễn Tấn H3, anh Nguyễn Tấn H4, anh Nguyễn Tuấn H, chị Nguyễn Đặng Thúy A anh Nguyễn D số tiền gốc 310.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật là phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 471, 474, 477 của Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 1 Điều 166, khoản 5 Điều 221, khoản 2 Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 469, khoản 1 Điều 651 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Buộc vợ chồng anh Mai Văn Q, chị Đặng Thị Thanh V có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị Diệu H1, anh Nguyễn Tấn H2, anh Nguyễn Tấn H3, anh Nguyễn Tấn H4, anh Nguyễn Tuấn H, chị Nguyễn Đặng Thúy A anh Nguyễn D số tiền 323.785.700 đồng (Ba trăm hai mươi ba triệu bảy trăm tám mươi lăm nghìn bảy trăm đồng), trong đó 310.000.000 đồng (Ba trăm mười triệu đồng) tiền gốc và 13.785.700 đồng (Mười ba triệu bảy trăm tám mươi lăm nghìn bảy trăm đồng) tiền lãi.

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc vợ chồng Mai Văn Q, chị Đặng Thị Thanh V phải nộp số tiền 16.189.000 đồng (Mười sáu triệu một trăm tám mươi chín nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm để sung vào ngân sách nhà nước. Chi cục thi hành án dân sự huyện P hoàn trả lại cho anh Nguyễn Tuấn H số tiền 7.750.000 đồng (Bảy triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí mà anh H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 03221 ngày 11 tháng 10 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P.

4. Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (Ngày 12 tháng 01 năm 2018). Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND huyện P;
- CCTHADS huyện P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Văn Công Minh

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND huyện Phù Mỹ;
- CCTHADS huyện Phù Mỹ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên toà

Văn Công Minh

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

